

Số: /BGDĐT-GDDT
V/v triển khai thực hiện nhiệm vụ tại
Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định
số 1719/QĐ-TTg và sửa đổi, bổ sung
Công văn số 1856/BGDĐT-GDDT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Dự án 5.1), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đề nghị các địa phương tiếp tục chỉ đạo triển khai tốt một số nội dung sau:

1. Về tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Dự án 5.1

- Bám sát các văn bản hướng dẫn thực hiện Dự án 5.1 của Bộ GDĐT¹ để triển khai hiệu quả, đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao gắn với đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đẩy nhanh các thủ tục phê duyệt dự án, triển khai đúng tiến độ, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ của Dự án 5.1. Quá trình mua sắm, cấp phát, bảo quản, sử dụng trang thiết bị, sửa chữa các công trình; công tác tập huấn, bồi dưỡng, xóa mù chữ cần tuân thủ theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản có liên quan, đảm bảo đúng đối tượng, định mức, hiệu quả đầu tư.

- Thực hiện tốt chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 24/CĐ-TTg ngày 22/3/2024 về việc đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024; trong đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, đề cao trách nhiệm, tập trung chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành triển khai thực hiện quyết liệt hơn nữa, đồng bộ, kịp thời, hiệu quả hơn nữa các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm; phấn đấu giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 đạt kết quả cao nhất (trên 95% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao).

- Tổ chức triển khai theo kế hoạch; đôn đốc thực hiện, tổng hợp, báo cáo

¹ Công văn số 1856/BGDĐT-GDDT ngày 26/4/2023 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg (thay thế Công văn 2184/BGDĐT-GDDT); Công văn số 1399/BGDĐT-GDDT ngày 30/03/2023 về việc triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg năm 2023; các Kế hoạch triển khai Dự án 5.1 của Bộ GDĐT (QĐ số 2182/BGDĐT ngày 9/8/2022; QĐ số 2183/BGDĐT ngày 9/8/2022; QĐ số 531/BGDĐT ngày 20/02/2023; QĐ số 699/BGDĐT ngày 28/02/2024; QĐ số 1309/BGDĐT ngày 03/5/2024; QĐ số 2139/BGDĐT ngày 14/8/2024).

các cấp về tình hình triển khai các nhiệm vụ được giao của Dự án 5.1 tại địa phương theo quy định.

- Các địa phương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục kèm theo Công văn số 1339/BGDĐT-GDDT, chủ động rà soát, đánh giá để chỉ rõ kết quả đạt được so với mục tiêu; các mục tiêu, nhiệm vụ chậm hoàn thành hoặc có nguy cơ không hoàn thành theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025; qua đó, tham mưu Lãnh đạo tỉnh và các Bộ ngành liên quan có hướng xử lý kịp thời, phù hợp đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Chú trọng công tác bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDNTN), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) và trường phổ thông có học sinh ở bán trú (HSBT) về công tác quản lý và các nội dung giáo dục đặc thù.

- Đẩy mạnh công tác xóa mù chữ (XMC) cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) nhất là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nơi có tỷ lệ người mù chữ cao. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác XMC, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác XMC.

2. Về thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội khóa XV về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Tiếp tục triển khai thực hiện theo Công văn số 457/UBNDT-VPCTMTQG ngày 22/3/2024 của Ủy ban Dân tộc về việc khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội khóa XV.

3. Điều chỉnh một số nội dung tại Công văn số 1856/BGDĐT-GDDT ngày 26/4/2023 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg (thay thế Công văn 2184/BGDĐT-GDDT)

a. Tại gạch đầu dòng thứ 2 điểm 4.1 (Nội dung đầu tư) mục 4 phần II, bổ sung như sau:

“- Hỗ trợ cung cấp, nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị dạy học phục vụ học tập cho các trường PTDNTN, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú theo quy định về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số (cơ sở vật chất phòng lab, phòng học, họp trực tuyến, máy tính, máy chiếu, tivi, màn hình tương tác, hệ thống mạng...); hỗ trợ mua sắm trang thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên cho các trường PTDNTN, PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú phục vụ dạy và học (bàn, ghế, bảng...) phục vụ ăn, ở, sinh hoạt (giường, tủ, thiết bị nhà bếp, nhà ăn...), sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025”.

b. Các nội dung liên quan được dẫn chiếu thực hiện theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 thay thế bằng Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

4. Thực hiện chế độ báo cáo

Đề nghị các địa phương thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc Quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Báo cáo gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục dân tộc) trước ngày 27/9 năm thực hiện, cập nhật bổ sung số liệu năm thực hiện trước 05/02 năm sau (theo Phụ lục đề cương và 04 biểu mẫu gửi kèm công văn này).

Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị báo cáo về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục dân tộc, Ông Nguyễn Văn Hùng - CVC, số điện thoại: 0971331866, Email: nvchungdt@moet.gov.vn) để phối hợp hướng dẫn và xử lý theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- UBND (để p/h chỉ đạo);
- Thường trực BCĐCTMTQG-UBND (để p/h chỉ đạo);
- Bộ trưởng Nguyễn Kim Sơn (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Các Sở GDĐT (để t/h);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, GDĐT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thương

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số **5475** /BGDDT-GDDT ngày **17/9** /2024 của Bộ GDĐT)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 5 (DỰ ÁN 5.1)

THUỘC CTMTQG DTTS GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kỳ báo cáo: từ tháng 10/2021 đến 6/2024; cuối năm 2024; 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm 2025)

I. KHÁI QUÁT VỀ DỰ ÁN 5.1 TRIỂN KHAI TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Mục tiêu

2. Các chỉ tiêu cụ thể

3. Các nhiệm vụ/hoạt động

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN 5.1

1. Ban hành cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện

- Tình hình và kết quả xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện Dự án 5.1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025 (CTMTQG DTTS) của địa phương (các Nghị quyết, Quyết định, kế hoạch giai đoạn và hằng năm, văn bản hướng dẫn...);

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc về ban hành và triển khai các cơ chế chính sách, hướng dẫn của Trung ương và các cơ chế chính sách, hướng dẫn đặc thù của địa phương trong thực hiện Dự án 5.1.

2. Công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Dự án 5.1

- Cơ quan được giao chủ trì/đầu mối tham mưu hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 5.1 tại địa phương (nêu rõ tên cơ quan, văn bản của cấp có thẩm quyền giao).

- Cơ chế trong chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện:

+ Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện;

+ Cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương, cơ sở trong triển khai thực hiện;

+ Cơ chế huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực.

- Lập kế hoạch, giao kế hoạch thực hiện (cần làm rõ căn cứ, quy trình việc xây dựng kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ của Dự án 5.1 tại địa phương).

- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, giải ngân, nghiệm thu, thanh quyết toán hoạt động thuộc Dự án 5.1.

- Việc thực hiện công tác thông tin, truyền thông, tuyên truyền về Dự án 5.1.

- Việc nâng cao năng lực cho các chủ đầu tư, cán bộ các cấp... trong triển khai Dự án 5.1.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Dự án 5.1.

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về công tác chỉ đạo điều hành, triển khai Dự án 5.1.

3. Kết quả và tiến độ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của Dự án 5.1

3.1. Kết quả xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ; kế hoạch vốn thực hiện Dự án 5.1 cho giai đoạn 2021 - 2025 và từng năm

(Thống kê chi tiết theo các biểu mẫu số 04 và Phụ biểu số 01, 02, 03, 04, 05 kèm theo Phụ lục này)

3.2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu Dự án 5.1 (số liệu, tỷ lệ đạt được) cụ thể các nội dung sau:

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường PTDTNT, PTDTBT và trường phổ thông có học sinh ở bán trú:

+ Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường PTDTNT;

+ Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường PTDTBT;

+ Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các phổ thông có học sinh ở bán trú.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, GV các trường PTDTNT, PTDTBT, phổ thông có học sinh ở bán trú (các nội dung, hoạt động nâng cao chất lượng đội ngũ; số liệu cụ thể về CBQL, GV tham gia các đợt bồi dưỡng, tập huấn của trung ương tổ chức; của địa phương tổ chức;...)

- Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS.

+ Số lượng lớp học XMC được tổ chức;

+ Số lượng người dân tham gia học lớp XMC;

+ Tỷ lệ người dân tốt nghiệp/hoàn thành lớp XMC;

+ Số lượng tài liệu phục vụ hướng dẫn dạy XMC được xây dựng và lưu trữ trên nền tảng công nghệ, cơ sở dữ liệu về XMC;

+ Số lượng sản phẩm truyền thông, tuyên truyền phục vụ XMC.

(Thống kê chi tiết theo các biểu mẫu số 01, 02 kèm theo Phụ lục này)

3.3. Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu cụ thể, các chỉ tiêu chủ yếu của Dự án 5.1 (so với các chỉ tiêu kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao).

- Những chỉ tiêu chủ yếu đã đạt kế hoạch đề ra trong kỳ báo cáo.

- Những chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt kế hoạch đề ra trong kỳ báo cáo.

3.4. Phân tích các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng, các bài học, kinh nghiệm tốt, cách làm hay, các khó khăn, hạn chế của địa phương trong thực hiện mục tiêu kế hoạch.

4. Huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

- Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực trong kỳ báo cáo:
- + Nguồn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp);
- + Nguồn ngân sách địa phương (vốn đối ứng, vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp);
- + Vốn lồng ghép;
- + Nguồn huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân;
- + Đóng góp của người dân, cộng đồng.
- Tình hình giải ngân, kết quả thực hiện các nguồn vốn *(nêu và đánh giá cụ thể số liệu, tỷ lệ giải ngân so với tổng chung vốn được phân bổ và phân tách theo từng nguồn vốn)*
- Kết quả thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù.
- Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có)
- Đánh giá chung về công tác huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực; những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân.

(Thống kê chi tiết theo biểu mẫu số 03 kèm theo Phụ lục này)

5. Đánh giá chung

- Kết quả nổi bật đã đạt được.
- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIAN CÒN LẠI CỦA GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu, các chỉ tiêu chủ yếu dự kiến/phấn đấu đạt được
2. Các giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện
3. Dự kiến huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị với Quốc hội
2. Đề xuất, kiến nghị với UBND (chủ Chương trình)
3. Đề xuất, kiến nghị với Bộ GDĐT
4. Đề xuất, kiến nghị với Bộ, ngành liên quan
5. Kiến nghị, đề xuất khác./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BIỂU MẪU SỐ 01

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC CHỈ SỐ CHỦ YẾU CTMTQG DTTS GIAI ĐOẠN 2021-2025

Kỳ báo cáo: từ tháng.....năm.....đến tháng.....năm..... (*)

(Kèm theo Công văn số **5475** /BGDDT-GDDT ngày **17/9** /2024 của Bộ GDĐT)

TT	Tại địa bàn thực hiện CTMTQG DTTS	Đơn vị tính	Số liệu thống kê cuối năm 2020	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo (từ 2021 đến 6/2024; cuối năm 2024; 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm 2025)	Chỉ tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch GD 2021-2025	Ghi chú
1	Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố	%						
2	Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường	%						
3	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi tiểu học đến trường	%						
4	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi THCS đến trường	%						
5	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi THPT đến trường	%						
6	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông	%						

Lưu ý: (*) Đề nghị điền đúng theo biểu mẫu.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....ngày...tháng....năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BIỂU MẪU SỐ 02

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN 5.1 THUỘC CTMTQG DTTS GIAI ĐOẠN 2021-2025

Kỳ báo cáo: từ tháng.....năm.....đến tháng.....năm..... (*)

(Kèm theo Công văn số **5475** /BGDDĐT-GDDT ngày **17 / 9** /2024 của Bộ GDĐT)

TT	Tại địa bàn thực hiện CTMTQG DTTS	Đơn vị tính	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo (từ 2021 đến 6/2024; cuối năm 2024; 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm 2025)	Chỉ tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch GD 2021-2025	Ghi chú
1	Đầu tư cho trường PTDTBT và trường phổ thông có HS ở bán trú						
1.1	Số trường PTDTBT và trường phổ thông có HSBT được đầu tư bổ sung, nâng cấp CSVC, trang thiết bị	Trường					
1.2	Số tài liệu, học liệu được biên soạn tại địa phương và cấp phát miễn phí cho các trường PTDTBT và trường phổ thông có HS ở bán trú	Tài liệu, học liệu					
1.3	Số lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho CBQL, GV trường PTDTBT và trường phổ thông có HS ở bán trú được tổ chức tại địa phương	Lớp					
2	Đầu tư cho trường PTDTNT						
2.1	Số trường PTDTNT cấp THPT được hỗ trợ đầu tư CSVC, trang thiết bị	Trường					
2.2	Số trường PTDTNT cấp THCS được hỗ trợ đầu tư CSVC, trang thiết bị	Trường					
2.3	Số tài liệu, học liệu được biên soạn tại địa phương và cấp phát miễn phí cho các trường PTDTNT	Tài liệu, học liệu					
2.4	Số lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho CBQL, GV trường PTDTNT được tổ chức tại địa phương	Lớp					
3	XMC cho người dân vùng đồng bào DTTS						
3.1	Số lượng lớp học XMC được tổ chức tại địa phương	Lớp					
3.2	Số lượng người dân tham gia học lớp XMC	Người					
3.3	Tỷ lệ người dân tốt nghiệp/hoàn thành lớp XMC	Người					
3.4	Số tài liệu phục vụ hướng dẫn dạy XMC được xây dựng và lưu trữ trên nền tảng công nghệ, cơ sở dữ liệu về XMC tại địa phương	Tài liệu					
3.5	Số sản phẩm truyền thông, tuyên truyền phục vụ XMC tại địa phương	Sản phẩm					

(*) Đề nghị điền đúng theo biểu mẫu.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày... tháng... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BIỂU MẪU SỐ 03

BÁO CÁO KẾT QUẢ HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC DỰ ÁN 5.1 THUỘC CTMTQG DTTS GIAI ĐOẠN 2021-2025

Kỳ báo cáo: từ tháng.....năm.....đến tháng.....năm..... (*)

(Kèm theo Công văn số **5475** /BGDDĐT-GDDT ngày **17/9** /2024 của Bộ GDĐT)

TT	Nội dung	Kết quả huy động, phân bổ và thực hiện nguồn lực 6 tháng năm.../năm...								Kế hoạch huy động, phân bổ và thực hiện nguồn lực 6 tháng năm.../năm...								Ghi chú		
		Tổng số	Ngân sách đầu tư trực tiếp				Vốn lồng ghép	DN, TC, CN	Dân góp	Tổng số	Ngân sách đầu tư trực tiếp				Vốn lồng ghép	DN, TC, CN	Dân góp			
			Tổng số	NSTU		NSDP					Tổng số	NSTU		NSDP						
				ĐTPT	SN	ĐTPT						SN	ĐTPT	SN					ĐTPT	SN
1	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường PTDTBT và trường phổ thông có HS ở bán trú																			
2	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường PTDTNT																			
3	Nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, GV các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có HS ở bán trú																			
4	Hoạt động xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS																			
5	Hoạt động truyền thông, tuyên truyền về Dự án 5.1																			
6	Kiểm tra, giám sát, đánh giá Dự án 5.1																			
	Tổng cộng																			

(*) Đề nghị điền đúng theo biểu mẫu.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....ngày...tháng....năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BIỂU MẪU SỐ 04

BÁO CÁO MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ; KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN 5.1 THUỘC CTMTQG DTTS NĂM 2021 VÀ 2022

Kỳ báo cáo: từ tháng.....năm.....đến tháng.....năm..... (*)

(Kèm theo Công văn số **5445** /BGDDT-GDDT ngày **17/9** /2024 của Bộ GDĐT)

Phụ biểu 02

TT	Tên trường được đầu tư	MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2021 VÀ NĂM 2022														KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021 VÀ NĂM 2022 (triệu đồng)											
		Trường xây mới	Khối phòng phục vụ dạy - học					Khối phòng phục vụ ăn, ở, sinh hoạt				Công trình về sinh, nước sạch			Số người dân tham gia xóa mù chữ (người)	Số thiết bị mua sắm (thiết bị)	Tổng số	Ngân sách đầu tư trực tiếp				Vốn lồng ghép	DN, TC, CN	Dắt gờ			
			Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra					Tổng số	NSTƯ		NSDP						
				Phòng công vụ GV	Phòng ở HS	Phòng quản lý HS	Phòng học thông thường		Phòng bộ môn	Nhà bếp	Nhà ăn		Nhà kho	Nhà sinh hoạt giáo dục VH					Nhà vệ sinh	Công trình nước sạch	Công trình phụ trợ				ĐTPT	SN	ĐTPT
2																											
3																											
4																											
5																											
6																											
	Tổng cộng																										

(*) Đề nghị điền đúng theo biểu mẫu.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....ngày...tháng....năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BIỂU MẪU SỐ 04

BÁO CÁO MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ; KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN 5.1 THUỘC CTMTQG DTTS NĂM 2023

Kỳ báo cáo: từ tháng.....năm.....đến tháng.....năm..... (*)

(Kèm theo Công văn số **5475** /BGDDT-GDDT ngày **11/9** /2024 của Bộ GDĐT)

Phụ biểu 03

TT	Tên trường được đầu tư	MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2023														KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 (triệu đồng)										
		Trường xây mới	Khối phòng phục vụ dạy - học					Khối phòng phục vụ ăn, ở, sinh hoạt				Công trình về sinh, nước sạch			Số người dân tham gia xóa mù chữ (người)	Số thiết bị mua sắm (thiết bị)	Tổng số	Ngân sách đầu tư trực tiếp				Vốn lồng ghép	DN, TC, CN	Dư gộp		
			Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra					Tổng số	NSTU		NSDP					
				Phòng công vụ GV	Phòng ở HS	Phòng quản lý HS	Phòng học thông thường		Phòng bộ môn	Nhà bếp	Nhà ăn		Nhà kho	Nhà sinh hoạt giáo dục VH					Nhà vệ sinh	Công trình nước sạch	Công trình phụ trợ				ĐTPT	SN
2																										
3																										
4																										
5																										
6																										
	Tổng cộng																									

(*) Đề nghị điền đúng theo biểu mẫu.

.....ngày...tháng....năm.....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

